

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

ĐẶNG THỊ MINH

**CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: **QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG**
Mã số: 62 34 82 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG

HÀ NỘI – 2014

Công trình được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Chu Hồng Thanh

2. PGS.TS. Đinh Thị Minh Tuyết

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện

Địa điểm: Phòngtầng.....nhà..... Học viện Hành chính Quốc gia, số
77 - Đường Nguyễn Chí Thanh - Quận Đống Đa - Hà Nội

Thời gian: Vào hồi.....giờ.....ngày.....thángnăm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Quốc gia Việt Nam
hoặc Thư viện của Học viện Hành chính Quốc gia.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục đại học (GDDH) có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Phát triển GDDH là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và của toàn xã hội, cần phải thực hiện xã hội hóa GDDH nhằm thu hút các nguồn lực trong xã hội cho phát triển GDDH, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của nhân dân và phù hợp với xu thế đại chúng hóa GDDH trên thế giới. Sự ra đời các trường Đại học tư thục (ĐHTT) là hệ quả tất yếu của xu hướng đó. Trong những năm qua, cơ chế chính sách của Nhà nước chưa thực sự quan tâm ưu đãi cho việc phát triển các trường ĐHTT, chưa tạo được sự bình đẳng giữa trường Đại học công lập (ĐHCL) và ĐHTT; dẫn đến sự phát triển cả về số lượng và chất lượng trường ĐHTT còn nhiều bất cập; chất lượng đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu phát triển, xã hội chưa tin tưởng và đối xử công bằng với sản phẩm đào tạo của loại hình ĐHTT. Do đó, đòi hỏi việc tổ chức và quản lý hệ thống GDDH Việt Nam phải đổi mới căn bản, toàn diện theo Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP và theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, khóa XI; nhằm hướng tới sự đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa giáo dục; phải coi trọng các yếu tố đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo; đồng thời Nhà nước phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hợp lý tạo cơ hội để mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển các trường ĐHTT, đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo là cần thiết. Vì vậy, nghiên cứu đề tài “*Chính sách phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam*” là yêu cầu cấp thiết và sẽ có ý nghĩa thiết thực trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của luận án là nghiên cứu lý luận và thực tiễn nhằm hoàn thiện chính sách phát triển trường ĐHTT ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Để đạt được mục đích đó, luận án tập trung vào 3 nhiệm vụ cơ bản: nghiên cứu cơ sở lý luận về chính sách phát triển trường ĐHTT; phân tích thực trạng các chính sách phát triển trường ĐHTT, từ đó đánh giá những kết quả và hạn chế, bất cập của chính sách phát triển trường ĐHTT và giải thích các nguyên nhân chủ quan và khách quan của những hạn chế, bất cập đó và đề xuất quan điểm, nguyên tắc và các giải pháp hoàn thiện chính sách để phát triển các trường ĐHTT ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các chính sách phát triển trường ĐHTT trong bối cảnh đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam, bao gồm: i. chính sách tài chính, ii. chính sách phát triển đội ngũ giảng viên, iii. chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong hoạt động đào tạo của trường ĐHTT.

Phạm vi nghiên cứu: về không gian, luận án tập trung nghiên cứu các trường ĐHTT trên phạm vi cả nước; về thời gian: luận án nghiên cứu chính sách phát triển trường ĐHTT từ 2000 đến nay và khuyến nghị cho những năm tới; về nội dung: luận án tập trung nghiên cứu nội dung và thực trạng chính sách phát triển trường ĐHTT: chính sách tài chính, chính sách phát triển đội ngũ giảng viên và chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong hoạt động đào tạo của trường ĐHTT, bởi trong quá trình triển khai thực hiện ba chính sách này thời gian qua còn nhiều bất cập đã ảnh hưởng đến sự ổn định, đến chất lượng đào tạo cũng như sự phát triển của trường ĐHTT.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được tiếp cận dựa trên nguyên lý và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm đường lối của Đảng, Nhà nước về giáo dục để nhìn nhận đánh giá khách quan về những nội dung nghiên cứu. Vận dụng và kết hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa, khái quát hóa các tài liệu, sách, báo, tạp chí; phương pháp điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu, lấy ý kiến chuyên gia; kế thừa và phát triển các kết quả nghiên cứu khoa học khác phù hợp.

5. Giả thuyết khoa học của đề tài nghiên cứu

Hệ thống trường ĐHTT phát triển chưa hợp lý, chất lượng đào tạo của ĐHTT còn nhiều yếu kém chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội và yêu cầu phát triển. Những hạn chế đó do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân cơ bản nhất có thể là do công tác quản lý nhà nước về giáo dục đại học tư thục còn yếu kém, đặc biệt chính sách của Nhà nước đối với phát triển hệ thống này còn bất hợp lý. Nghiên cứu các giải pháp để khắc phục những yếu kém cũng như hoàn thiện chính sách đối với giáo dục ĐHTT thì hệ thống này có thể sẽ phát triển hợp lý trong tương lai, chất lượng đào tạo ngày càng nâng cao và sẽ đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước.

6. Đóng góp mới của luận án

- Luận án là công trình khoa học nghiên cứu về lý luận, thực tiễn và được tiếp cận một cách hệ thống, có cơ sở khoa học, bổ sung về mặt lý luận các khái niệm về trường ĐHTT, chính sách phát triển trường ĐHTT, phân loại ĐHTT lợi nhuận và phi lợi nhuận, vai trò quan trọng của trường ĐHTT và các yếu tố ảnh hưởng đến

chính sách phát triển trường ĐHTT; làm rõ nội hàm của chính sách phát triển trường ĐHTT như chính sách tài chính, phát triển đội ngũ giảng viên và chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong hoạt động đào tạo của trường ĐHTT.

- Trên cơ sở tổng hợp, hệ thống hóa các văn bản pháp luật về ĐHTT và các số liệu thực tiễn luận án đã đánh giá thực trạng những ưu điểm và hạn chế của các chính sách và làm rõ nguyên nhân từ đó đề xuất các biện pháp hoàn thiện chính sách phát triển trường ĐHTT trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, luận án đã xây dựng những *quan điểm phát triển trường ĐHTT và các nguyên tắc hoàn thiện chính sách phát triển trường ĐHTT* để nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển ĐHTT phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục và xu thế phát triển GDDH trên thế giới.

7. Ý nghĩa của luận án

- Luận án đã làm rõ và sâu sắc hơn lý luận và thực tiễn chính sách phát triển trường ĐHTT ở Việt Nam; trên cơ sở tổng hợp, hệ thống hóa các văn bản pháp luật về ĐHTT và các số liệu nghiên cứu thực tiễn luận án cho thấy được bức tranh về thực trạng những ưu điểm và hạn chế, bất cập của các chính sách, chỉ ra các nguyên nhân chủ quan và khách quan để đề xuất các giải pháp; sẽ có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách giai đoạn tới hợp lý hơn nhằm thúc đẩy phát triển trường ĐHTT, nâng cao chất lượng đào tạo góp phần phát triển đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách để xây dựng và thực hiện chính sách xã hội hoá giáo dục nói chung và GDDH nói riêng của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Cũng có thể là tài liệu tham khảo đối với các trường ĐHTT trong quá trình xây dựng, ổn định và phát triển nhà trường trong bối cảnh hiện nay. Hơn nữa hệ thống lý luận và thực tiễn của luận án cũng có ý nghĩa thiết thực trong nghiên cứu và giảng dạy chuyên đề QLNN về Giáo dục cho các đối tượng đào tạo của Học viện Hành chính Quốc gia..

PHẦN NỘI DUNG

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án được chia thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở khoa học về chính sách phát triển trường đại học tự thực

Chương 3: Thực trạng chính sách phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài

Các nghiên cứu liên quan đến GDDH nói chung và chính sách phát triển trường ĐHTT nói riêng đã được nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nghiên cứu và các công trình đó được công bố dưới nhiều hình thức khác nhau, tác giả luận án phân loại các công trình nghiên cứu đã có thành 6 nhóm vấn đề như sau:

- 1.1. Về chính sách và chính sách công
- 1.2. Về chính sách xã hội hóa giáo dục
- 1.3. Về đổi mới giáo dục đại học
- 1.4. Về tài chính cho giáo dục đại học
- 1.5. Về đội ngũ giảng viên đại học
- 1.6. Về quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học

Qua nghiên cứu các công trình khoa học có liên quan đến chính sách phát triển trường ĐHTT của các tác giả trong và ngoài nước, tác giả luận án thấy rằng các công trình được công bố dưới dạng đề tài khoa học, các sách tham khảo, các luận án Tiến sĩ chủ yếu nghiên cứu về GDDH công lập ở Việt Nam, việc nghiên cứu về ĐHTT còn rất hạn chế. Các nghiên cứu đã đề cập đến một số khía cạnh khác nhau về tài chính, chính sách đối với đội ngũ giảng viên, về đảm bảo quyền tự chủ đối với ĐHTT, về những khó khăn cũng như thách thức đối với trường ĐHTT trong bối cảnh hiện nay.

Mặt khác, các nghiên cứu về ĐHTT đã công bố chủ yếu được trao đổi, thảo luận ở các diễn đàn, các cuộc tọa đàm, hội thảo; phần lớn được công bố trên các báo in, báo điện tử, tạp chí chuyên ngành, các bài tham luận nên về dung lượng, phạm vi, nội dung và phương pháp tiếp cận còn phân tán, có nhiều hạn chế, tính khái quát chưa cao, chưa toàn diện.

1.2. Một số nhận xét và những vấn đề đặt ra cần phải tiếp tục nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã tập trung ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, về mô hình trường đại học tư thục, các tác giả đã cho thấy ở các quốc gia có nền GDDH phát triển đều có hai loại hình ĐHTT: ĐHTT lợi nhuận và ĐHTT

phi lợi nhuận. Nhà nước thường khuyến khích phát triển loại hình phi lợi nhuận và có chính sách hỗ trợ. Ở Việt Nam quan điểm, chủ trương của Đảng là khuyến khích phát triển mô hình ĐHTT phi lợi nhuận. Mặc dù Luật giáo dục đại học có hiệu lực từ ngày 01/01/2013 đã bước đầu đưa ra khái niệm pháp lý về cơ sở giáo dục hoạt động “ vì lợi nhuận” và không vì lợi nhuận, nhưng đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về đầy đủ về nguyên tắc, cơ chế hoạt động của từng loại mô hình để đề xuất xây dựng chính sách hợp lý cho cả hai loại hình này.

Thứ hai, về cơ chế tài chính đối với trường ĐHTT ở nhiều quốc gia trên thế giới đều được sự hỗ trợ tài chính của Nhà nước đối với ĐHTT phi lợi nhuận, đảm bảo công bằng cho SV theo học giữa trường ĐHCL và trường ĐHTT. Tuy nhiên ở Việt Nam Nhà nước chưa có chính sách tài chính hỗ trợ cho loại hình trường này.

Thứ ba, về tự chủ và trách nhiệm giải trình, các công trình nghiên cứu cho thấy mặc dù chủ trương của Nhà nước cho phép các cơ sở giáo dục đại học tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội nhưng hiện các trường ĐH nói chung, trường ĐHTT nói riêng vẫn chưa được đảm bảo tự chủ thực sự khi các cơ quan QLNN vẫn can thiệp vào vấn đề tuyển sinh, vấn đề chương trình đào tạo, vấn đề tài chính... Đặc biệt đối với ĐHTT họ rất cần được tự chủ hoàn toàn về vấn đề tổ chức các hoạt động đào tạo, vấn đề xây dựng chương trình đào tạo, mở ngành nghề để đảm bảo đào tạo thích ứng với thị trường, đáp ứng nhu cầu xã hội. Cho đến nay các công trình nghiên cứu về chính sách đảm bảo quyền tự chủ thực sự cho các cơ sở ĐHTT trong quản lý đào tạo còn rất khiêm tốn.

Thứ tư, về chính sách đối với GV, Các nghiên cứu của các tác giả cho thấy hiện nay các trường ĐHTT đang gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển đội ngũ GV cơ hữu vì nguồn lực của trường ĐHTT có hạn và để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ĐNGV vừa mất rất nhiều thời gian, vừa tốn kém tiền bạc. Hơn nữa Nhà nước đòi hỏi GV các trường ĐHTT phải đảm bảo trình độ chuẩn, phù hợp với các chức danh giảng viên để tạo ra sản phẩm có chất lượng phục vụ xã hội nhưng Nhà nước lại không hỗ trợ trong việc ĐT, bồi dưỡng ĐNGV cho các cơ sở này là điều chưa hợp lý, chưa đảm bảo công bằng đối với GV trường ĐHCL và trường ĐHTT.

Các công trình nghiên cứu về ĐHTT mới chủ yếu phân tích một số khía cạnh khác nhau như mô hình đại học tự thực, chất lượng đào tạo, trường sở, đội ngũ giảng viên, vấn đề tài chính..., hầu hết chỉ dừng lại ở góc độ tranh luận, nêu quan điểm cá nhân hay khai thác thông tin nên chưa góp phần hệ thống hóa thành cơ sở lý luận để đặt nền móng cho việc xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các chính sách phát triển loại hình trường ĐHTT Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Vì những “khoảng

trông” đang có và những lý do nêu trên nên Nghiên cứu sinh chọn đề tài “*Chính sách phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam*” làm đề tài nghiên cứu của Luận án.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC

2.1. Lý luận cơ bản về trường đại học tư thục

2.1.1. Khái niệm trường đại học tư thục

Trường ĐHTT là cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước; hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính và các hoạt động đào tạo theo quy định của pháp luật; tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định về chế độ kế toán, thống kê và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trường đại học tư thục có chức năng đào tạo, nghiên cứu, phục vụ xã hội và cộng đồng; có trách nhiệm bảo tồn và chuyển giao những giá trị tinh thần qua nhiều thế hệ; kiến tạo tri thức mới để đóng góp cho sự phát triển của xã hội và tiến bộ của nhân loại.

2.1.2. Phân loại trường đại học tư thục

Qua nghiên cứu loại hình trường ĐHTT, xét về phương diện kinh tế thị trường trên thế giới có thể phân chia ĐHTT thành hai loại, đó là:

Loại hình ĐHTT phi lợi nhuận: Đại học phi lợi nhuận trước hết đó là một trường ĐH hoạt động theo nguyên tắc của một tổ chức phi lợi nhuận hay tổ chức bất vụ lợi: không phân phối các quỹ thặng dư của nó cho các chủ nhân hay cổ đông mà sử dụng các quỹ này để tài trợ cho các mục tiêu của nhà trường hướng đến lợi ích người học và lợi ích của cộng đồng theo định hướng của tôn chỉ hoạt động. ĐH phi lợi nhuận là môi trường giáo dục thật sự lấy lợi ích của người học và cộng đồng làm nền tảng và kim chỉ nam. Điều này thể hiện rất rõ ở mục tiêu và động cơ tồn tại, cơ chế điều hành và quyền sở hữu, đặc biệt là học phí và cách thức sử dụng giá trị thặng dư của ĐH phi lợi nhuận. Chính vì vậy các ĐH phi lợi nhuận trên thế giới ngày càng phát triển, bền vững và chiếm được sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng.

Đối với Việt Nam, theo quy định của pháp luật: Cơ sở giáo dục ĐHTT hoạt động không vì lợi nhuận là cơ sở GDDH mà phần lợi nhuận tích lũy hằng năm là tài sản chung không chia, để tái đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học; các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn không hưởng lợi tức hoặc hưởng lợi tức hằng năm không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ.

Loại hình ĐHTT hoạt động vì lợi nhuận: Thực tế phát triển GDDH trên thế giới cho thấy các trường ĐHTT vì lợi nhuận thường xuất hiện ở những lĩnh vực đào tạo có lợi nhuận, tránh đầu tư lớn và dài hạn như trong giáo dục cơ bản, thường khóa lớp những nhu cầu về đào tạo nghề, ngoại ngữ, quản trị kinh doanh, kế toán hay những nghiệp vụ khác có nhu cầu trực tiếp từ thị trường. Những hạn chế do phải thỏa mãn yêu cầu về lợi nhuận của các cổ đông làm cho các trường ĐHTT vì lợi nhuận không thể đáp ứng được những chức năng giáo dục thường có của một trường ĐH, vì sự nghiệp cao cả là giáo dục. Những hạn chế đó thường là thương mại hóa giáo dục, chạy theo lợi nhuận, chạy theo ngành đào tạo chi phí thấp, nhu cầu lớn, không quan tâm đầu tư lớn vào nghiên cứu cơ bản, thậm chí có những hành vi vi phạm quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo và các quy định về tài chính, quản trị...

Ở Việt Nam, qua nghiên cứu thực tế cho thấy các nhà đầu tư cho giáo dục vẫn còn né tránh cụm từ “vì lợi nhuận”. Tuy nhiên theo các quy định hiện hành về GDDH thì ĐHTT vì lợi nhuận do các tổ chức, cá nhân đầu tư và là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư của cơ sở đào tạo, được nhận lợi tức và phải đóng thuế cho Nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, nhưng vì là đầu tư cho giáo dục nên phần lợi nhuận thu được phải dành ít nhất 25% để đầu tư phát triển và đảm bảo chất lượng của cơ sở đào tạo.

2.1.3. Phân biệt trường đại học tư thục và đại học công lập

Sự khác biệt cơ bản nhất giữa ĐHCL và ĐHTT là vấn đề tài chính và sở hữu tài sản; toàn bộ, hoặc hầu hết nguồn vốn đầu tư của trường công lập là nguồn ngân sách công, trong khi nguồn vốn của trường ĐHTT là từ cá nhân (đầu tư hoặc hiến tặng), hoặc tập thể (nhóm người, hoặc công ty, tập đoàn, tổ chức). Tuy nhiên, ngày nay sự phân biệt “công-tư” trong GDDH thế giới đã khác trước rất nhiều, ở nhiều quốc gia các trường tư thục vẫn nhận được nguồn lực từ nhà nước dưới hình thức học bổng hay tín dụng sinh viên, và được ưu đãi về đất đai, được cấp ngân sách khi thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước...đặc biệt đối với phần lớn các trường ĐHTT hoạt động phi lợi nhuận thì sứ mạng của nó rất gần với trường ĐHCL, hầu như chỉ khác về nguồn kinh phí ban đầu, phương thức quản lý vận hành và giải trình trách nhiệm.

Đối với GDĐH Việt Nam, trước đây các cơ sở GDĐH được tổ chức theo các loại hình: công lập, bán công, dân lập và tư thục; đến nay Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học đã quy định chỉ còn 2 loại hình công lập và tư thục. Trường ĐHCL và ĐHTT ở Việt Nam được phân biệt bởi một số tiêu chí như về đầu tư tài chính và sở hữu trường, về địa vị pháp lý, về cơ cấu tổ chức, về cơ chế quản lý tài chính và sử dụng tài sản.

2.1.4. Vai trò của trường đại học tư thục

Để thực hiện sứ mệnh của mình, các trường đại học nói chung, ĐHTT nói riêng có vai trò đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế; có vai trò kiến tạo tri thức mới tạo động lực thay đổi và tiến bộ xã hội, Trường ĐHTT ra đời đã thu hút sự tham gia của toàn xã hội đóng góp các nguồn lực cho phát triển GDĐH làm giảm áp lực kinh tế cho Nhà nước; góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu học tập ở trình độ cao của các nhóm dân cư; tạo ra mô hình mới về quản trị đại học; kiến tạo tri thức mới tạo động lực thay đổi và tiến bộ xã hội.

Hơn nữa ĐHTT phát triển sẽ có vai trò quan trọng chia sẻ gánh nặng đối với Nhà nước trong cung ứng dịch vụ GDĐH, thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.2. Chính sách phát triển trường đại học tư thục

2.2.1. Khái niệm chính sách phát triển trường đại học tư thục

Chính sách phát triển trường ĐHTT là chính sách công do Nhà nước ban hành, đó là những hành động ứng xử của Nhà nước với những vấn đề phát sinh trong quá trình xây dựng và phát triển trường ĐHTT, bao gồm hệ thống các chính sách hướng tới mục tiêu tạo động lực khuyến khích các trường ĐHTT phát triển cả về quy mô gắn với chất lượng, hiệu quả đào tạo nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập ở trình độ cao của nhân dân và yêu cầu phát triển đất nước.

Bên cạnh chính sách của Nhà nước, để phát triển trường ĐHTT còn có các chính sách của chính cơ sở đào tạo nhằm khuyến khích các đối tượng tham gia phát triển trường ĐHTT.

2.2.2. Nội dung của chính sách phát triển trường đại học tư thục

- *Chính sách tài chính cho trường đại học tư thục*: là chính sách huy động, quản lý và sử dụng tiền tệ nhằm phát triển ĐHTT theo các mục tiêu và định hướng phát triển Nhà nước đặt ra. Nhà nước ban hành chính sách tài chính nhằm tạo điều kiện

thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước tham gia đóng góp các nguồn tài chính cho phát triển trường ĐHTT đồng thời tạo cơ chế tài chính hợp lý cho các trường ĐHTT thực, đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Nội dung của chính sách tài chính phát triển ĐHTT mà luận án đề cập đó là những chính sách của Nhà nước liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng nguồn tài chính của trường ĐHTT: bao gồm chính sách hỗ trợ kinh phí của Nhà nước; chính sách huy động các thành phần kinh tế, các tổ chức và các cá nhân đầu tư, tài trợ cho trường ĐHTT cũng như cơ chế sở hữu tài sản, quản lý tài chính và chính sách học phí của trường đại học tư thục.

- *Chính sách phát triển đội ngũ giảng viên trường ĐHTT*: là sự thể chế hóa của Nhà nước và sự cụ thể hóa của các trường đại học tư thục các quan điểm, định hướng của Đảng thành các quyết định, các quy định, các nội quy, quy chế, các tiêu chuẩn, các biện pháp... về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trường đại học tư thục đáp ứng mục tiêu của cơ sở đại học tư thục đặt ra phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của Nhà nước và nhu cầu xã hội. Nội dung của chính sách phát triển đội ngũ giảng viên các trường ĐHTT được luận án chia làm 4 nhóm chủ yếu là: CS tuyển dụng GV; CS sử dụng GV; CS đào tạo, bồi dưỡng GV và CS đãi ngộ, tôn vinh GV.

- *Chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong hoạt động đào tạo*: Tự chủ đại học phản ánh mối quan hệ giữa trường đại học với xã hội và chính phủ, mức độ can thiệp của Chính phủ vào những vấn đề khác nhau của trường đại học. Qua lý luận và thực tiễn phát triển ĐHTT, chế độ tự chủ của các trường ĐHTT được thể hiện chủ yếu ở các khía cạnh sau: Tự chủ về tổ chức bộ máy nhà trường; tự chủ trong công tác đào tạo, NCKH; tự chủ về định hướng phát triển nhà trường; tự chủ về đội ngũ giảng viên; tự chủ về tài chính... Nội dung chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong hoạt động đào tạo của trường ĐHTT bao gồm: tự chủ trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh (tự cân đối dựa trên năng lực của trường); tự chủ xây dựng phương thức tổ chức tuyển sinh (xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp cả hai); tự chủ trong tổ chức đào tạo (xây dựng chương trình, giáo trình, tổ chức giảng dạy...), tự chủ trong bảo đảm chất lượng giáo dục (đánh giá kết quả, công nhận tốt nghiệp...).

2.2.3. Vai trò của chính sách phát triển trường đại học tư thục

Chính sách phát triển trường ĐHTT là công cụ quản lý nhà nước quan trọng, tác động trực tiếp đến sự ổn định và phát triển bền vững của trường ĐHTT; có vai trò quan trọng trong việc định hướng, dẫn dắt, hỗ trợ cho trường ĐHTT phát triển theo đúng quan điểm chính trị và mục tiêu từng giai đoạn; huy động sự tham gia của

toàn xã hội đầu tư các nguồn lực phát triển trường ĐHTT và vai trò tạo lập môi trường thuận lợi, khuyến khích trường ĐHTT phát triển.

2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách phát triển trường đại học tư thục

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chính sách phát triển trường ĐHTT ở Việt Nam: *thứ nhất* là quan điểm, tư tưởng của Đảng và Nhà nước và tư duy, nhận thức của xã hội đối với trường ĐHTT là yếu tố quan trọng có tác động ảnh hưởng lớn đến chính sách phát triển trường ĐHTT; *thứ hai* là công tác tổ chức quản lý cả tầm vĩ mô và vi mô có ảnh hưởng quan trọng đến phát triển trường ĐHTT; *thứ ba* là hệ thống pháp luật, nếu môi trường pháp lý hoàn chỉnh và hệ thống các văn bản pháp quy đồng bộ, hợp lý sẽ bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp cho các trường ĐHTT phát triển; *thứ tư* là năng lực của đội ngũ cán bộ trong thực hiện quy trình chính sách, nếu đội ngũ các nhà hoạch định và thực thi chính sách phát triển trường ĐHTT có năng lực và có đủ các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện chính sách thì chính sách sẽ có hiệu quả; *thứ năm* là năng lực của trường ĐHTT vì đây là nơi vận dụng, thực thi các quy định của chính sách và cũng chính là nơi phát hiện ra những hạn chế và đề xuất điều chỉnh chính sách; *thứ sáu* là toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có ý nghĩa quan trọng đối với hoạch định chính sách phát triển GDDH nói chung và ĐHTT nói riêng.

2.3. Kinh nghiệm của một số quốc gia về chính sách phát triển trường đại học tư thục

2.3.1. Về chính sách tài chính

Tùy theo mô hình đại học tư thục vì lợi nhuận hay phi lợi nhuận mà Chính phủ của các nước có cơ chế, chính sách tài chính khác nhau: Một số quốc gia, Nhà nước tài trợ khá lớn cho trường ĐHTT nhưng lại giao cho các ĐH công lập liên kết hoặc chính Nhà nước kiểm soát rất chặt chẽ (số SV được tuyển, mở chương trình mới, lương thầy giáo... như ở Ấn Độ, Nhật, Hàn Quốc...). Ở Nhật Bản, mặc dù là trường tư, nhưng các cơ sở ĐHTT vẫn được Nhà nước tài trợ, sinh viên được vay vốn để trang trải chi phí học tập theo nguyên tắc học phí cao - tài trợ cao.

Ở Singapore, với nguyên tắc của Chính phủ là làm lợi cho quốc gia thì nhà nước vẫn đầu tư và tài trợ cho ĐHTT. Hiện có hàng trăm trường ngoài công lập nhưng Nhà nước có chính sách hỗ trợ đất xây dựng cơ sở vật chất, cho vay vốn ưu đãi, không đánh thuế... Ngoài ra, chính phủ Singapore còn rót tiền trực tiếp cho một số trường tư thục, như Học viện nghệ thuật LaSalle, bởi các ĐHCL lại chưa đầu tư cho loại trường nghệ thuật này, nên thay vì lập ra một trường công chuyên về nghệ thuật,

Bộ văn hóa Singapore, lại quyết định tài trợ cho trường này. Mức tài trợ lên tới phần lớn toàn bộ lương và kinh phí hoạt động.

2.3.2. Về chính sách đối với đội ngũ giảng viên trường đại học tư thục

Như trên đã nói, ở nhiều nước trên thế giới chính phủ hỗ trợ các trường ĐHTT bằng cách miễn thuế tất cả tiền đầu tư, tài trợ cho giáo dục phi lợi nhuận, thậm chí giảm thuế quỹ tiền còn lại của các nhà đầu tư, nhà tài trợ. Nhờ vào chính sách thuế khuyến khích đầu tư cho giáo dục, các trường ĐHTT phi lợi nhuận có một nguồn thu rất lớn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thông qua chính sách đó, cơ sở ĐHTT có nguồn kinh phí để đầu tư, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ GV, có một số nước còn tài trợ trực tiếp cho việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho GV các trường ĐH nói chung mà không phân biệt công, tư.

2.3.3. Về chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong hoạt động đào tạo

Trên thế giới, tự chủ ĐH là một nguyên lý hết sức cơ bản trong quản trị ĐH. Ở các quốc gia thuộc hệ thống Anh-Mỹ, các trường ĐH có truyền thống tự chủ ĐH cao nhất nhưng đồng nghĩa với việc phải chịu trách nhiệm trước xã hội và Chính phủ. Ở các nước châu Âu lục địa, tự chủ thường nằm trong khuôn khổ qui định chi tiết của Nhà nước, tuy nhiên các qui định có vẻ được nói lỏng và việc phân cấp được thực hiện để bảo đảm quyền tự chủ của các trường ĐH. Ở các nước châu Á nói chung, nơi có nhiều ĐH mới được hình thành, Nhà nước thường có mức độ kiểm soát cao. Tuy nhiên, tự chủ ĐH không phải là một khái niệm tuyệt đối. Nhà nước có thể can thiệp vào hoạt động của trường ĐH thông qua các hành lang chính sách pháp lý hoặc chế tài tài chính

2.3.4. Một số bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho chính sách phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam.

Thứ nhất, tổ chức lại các trường đại học ở nước ta theo hai loại hình công lập và tư thục (nhanh chóng chuyển đổi hết các trường đại học dân lập còn lại sang loại hình ĐHTT theo quy định của pháp luật nhằm tạo sự ổn định để đào tạo); Nhà nước đảm bảo không có sự phân biệt về tính tự chủ, trách nhiệm xã hội, quyền hạn của một trường đại học phải có. Thông qua cạnh tranh lành mạnh và chất lượng đào tạo của mỗi trường để có được sự đánh giá tín nhiệm của xã hội, của người học và của thị trường lao động.

Thứ hai, Nhà nước khuyến khích phát triển loại hình ĐHTT phi lợi nhuận và cho phép thành lập các trường ĐHTT vì lợi nhuận. Đối với các trường phi lợi nhuận Nhà nước cấp đất, miễn thuế doanh thu và miễn thuế cho người đóng góp hảo tâm, kể cả tài trợ một phần chi phí cần thiết.

Thứ ba, Nhà nước khuyến khích các “mạnh thường quân” tài trợ cho các trường đại học tư thục, mọi khoản hiến tặng cho trường đại học tư thục không vì lợi nhuận đều được miễn thuế và ghi danh, như vậy sẽ có nhiều doanh nhân và tổ chức, cá nhân vui lòng hiến tặng cho nhà trường vì đó là cách đóng góp cho cộng đồng. Sự vinh danh của nhà trường và xã hội cũng là một cách xây dựng hình ảnh cao đẹp của cá nhân, tổ chức hay doanh nghiệp.

Thứ tư, Nhà nước bảo đảm thực hiện quyền tự chủ của trường ĐHTT theo đúng nghĩa của nó, đặc biệt trong tuyển sinh và trong mở ngành. Tuy nhiên, dù thực hiện quyền tự chủ cao tại các trường ĐHTT, các cơ quan QLNN vẫn phải quản lý bằng các tiêu chí, tiêu chuẩn pháp luật để đảm bảo chất lượng đào tạo và tránh xu hướng thương mại hóa giáo dục.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH

PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỤC Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam

3.1.1. Khái quát về quá trình hình thành và phát triển trường đại học tư thục

3.1.1.1. Giai đoạn từ 1986 – 1996: Đây là giai đoạn đánh dấu sự đổi mới đột phá của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội theo cơ chế mới, trong đó có sự ra đời của trường ĐHNCL, khẳng định ba loại hình của GDDH ngoài công lập đó là: bán công, dân lập và tư thục.

3.1.1.2. Giai đoạn từ 1997 – 2004: Giai đoạn này Đảng và Nhà nước đã khẳng định chủ trương đúng đắn của chính sách XHHGD và tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách hợp lý hơn nhằm khuyến khích thực hiện chủ trương này. Luật Giáo dục 1998 ra đời là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức và hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng.

3.1.1.3. Giai đoạn từ 2005 – 2008: Có thể nói rằng những thay đổi lớn liên quan tới chính sách phát triển giáo dục ĐHNCL diễn ra ở giai đoạn này. Luật Giáo dục 2005 thay thế Luật giáo dục năm 1998 là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức và hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục đại học và phát triển các trường ĐHTT. Chính phủ ban hành Nghị quyết 05/2005/NQ-CP ngày 18/5/2005 về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao, Nghị quyết này khẳng định không duy trì loại hình trường bán công. Mỗi cơ sở ngoài công lập đều có thể hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận hoặc theo cơ chế lợi nhuận. Quyết định số 14/2005/QĐ-TTg ngày 17/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ, đã quy định chi tiết

việc tổ chức và hoạt động của các trường ĐHTT và Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020.

2.1.1.4. Giai đoạn từ 2009 đến nay: Giai đoạn này với sự ra đời của nhiều chính sách quan trọng liên quan đến nguyên tắc, đến cơ chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHTT, đến việc đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đối tượng tham gia vào quá trình phát triển các trường ĐHTT đã làm cho hệ thống trường ĐHTT dần dần đi vào ổn định và phát triển như: Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHTT thay thế quyết định 14 năm 2005; Quyết định 63/2011/QĐ-TTg ngày 10/11/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 61; Luật Giáo dục Đại học ban hành năm 2012 và nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học.

3.1.2. Thực trạng phát triển trường đại học tư thục

- Mạng lưới các trường đại học tư thục đã phủ khắp 7 vùng miền trong cả nước, tập trung nhiều nhất là vùng Đồng bằng Sông Hồng có 21 trường, chiếm khoảng 38% cả nước, đến nay cả nước đã có tổng số 55 trường ĐHTT.

- Quy mô đào tạo tiếp tục tăng, cơ cấu nhóm ngành nghề đào tạo ngày càng đa dạng trong đó khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, ngân hàng hầu như trường nào cũng có, hình thức đào tạo cũng rất phong phú

- Đội ngũ giảng viên các trường ĐHTT ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng; luôn chiếm bình quân khoảng 16% số lượng giảng viên đại học. Tính đến hết năm học 2012-2013, tổng số GV cơ hữu là 10.324 người, số GV thỉnh giảng là 9.698 người. Trình độ đội ngũ GV cơ hữu của các trường ĐHTT hiện nay như sau: GV có trình độ TS trở lên là 1.477 người, chiếm hơn 14,3%; GV có trình độ ThS là 3.978 người, chiếm hơn 38,5%; GV có trình độ ĐH là 4.691 người, chiếm gần 45,9%. Hầu hết các trường ĐHTT đều phải mời đội ngũ GV thỉnh giảng. Sau gần 25 năm phát triển ĐH ngoài công lập, đến nay đã có nhiều cơ sở đào tạo ngoài công lập khẳng định được chất lượng và vị thế của mình trong bức tranh chung của GDĐH Việt Nam: Đại học Duy Tân, Đại học Thăng Long, Đại học FPT...

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quá trình phát triển ĐHTT gặp nhiều khó khăn và có những bất cập. Do chú trọng phát triển quy mô đào tạo nên các trường ĐHTT chưa quan tâm đúng mức đến chất lượng đào tạo, quy mô vượt xa năng lực đào tạo, nhiều trường ĐHTT tuyển sinh đầu vào chất lượng thấp, điểm chuẩn thường sát điểm sàn. Việc giao chỉ tiêu tuyển sinh chưa nghiêm, nhiều trường ĐHTT số

lượng giảng viên cơ hữu mỏng (thường thấp hơn số giảng viên thỉnh giảng). Hầu hết các trường ĐHTT không thể bố trí đủ GV cơ hữu, số GV thỉnh giảng vẫn chiếm tỉ lệ lớn, phần lớn là GV cơ hữu đều đã nghỉ hưu từ các trường công lập được mời về. Đặc biệt năm học 2012-2013, nhiều trường ĐHTT đã tuyển không đủ chỉ tiêu vì khan hiếm nguồn tuyển, điều này đã ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của trường.

3.2. Phân tích thực trạng chính sách phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam

3.2.1. Chính sách tài chính

3.2.1.1. Chính sách hỗ trợ kinh phí của Nhà nước

Thực tế phát triển ĐHTT ở Việt Nam cho thấy nguồn tài chính của trường ĐHTT chủ yếu là do sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư; sự vận hành chủ yếu cân đối dựa trên nguồn học phí của sinh viên, hầu như không có sự hỗ trợ của Nhà nước và hơn nữa Việt Nam chưa có truyền thống hiến tặng cho trường ĐHTT như nhiều quốc gia trên thế giới cho nên nhiều trường mới thành lập đã gặp rất nhiều khó khăn.

3.2.1.2. Chính sách huy động các thành phần kinh tế, các tổ chức và các cá nhân đầu tư, tài trợ cho trường đại học tư thục

Để thực hiện các Nghị quyết về chủ trương xã hội hóa giáo dục, năm 2006 Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2006 ngày 25/5/2006 về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập. Năm 2008 Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. *Tuy nhiên trong việc thực thi chính sách còn nhiều bất cập dẫn đến chính sách chưa đi vào thực tế, vấn đề nổi cộm trong cơ chế chính sách của Nhà nước đó là việc đảm bảo quyền và lợi ích của các trường, các nhà đầu tư.*

3.2.1.3. Chính sách học phí

Trong khi trường ĐHCL được ngân sách nhà nước bao cấp hoàn toàn, học phí vẫn thu xấp xỉ bằng các trường ĐHTT, trần học phí theo quy định của Chính phủ năm 2013-2014: thấp nhất là 4.85 triệu đồng/SV/năm và cao nhất là 6.85 triệu đồng/SV/năm. Đa số trường ĐHTT học phí thu khoảng 650.000 - 800.000 đồng/tháng/sinh viên. Sinh viên ngoài công lập chịu 100% chi phí, sinh viên công lập lại được Nhà nước hỗ trợ khoảng 70%, chỉ phải nộp 4-5 triệu trong tổng số 10-12 triệu đồng học phí/năm. Như vậy rõ ràng rất không bình đẳng, bởi tiền đầu tư của Nhà nước cho giáo dục là tiền đóng thuế của toàn dân nhưng cùng là sinh viên thì

công lập được hưởng còn ngoài công lập lại không được hưởng, SV thuộc diện chính sách học các trường ĐHTT chưa kịp thời được hưởng các chính sách của Nhà nước như trường ĐHCL.

3.2.2. Chính sách phát triển đội ngũ giảng viên

3.2.2.1. Về tuyển dụng giảng viên

Chính sách tuyển dụng GV các trường ĐHTT về cơ bản được thể hiện trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường Đại học, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHTT. Theo quy định đó, các cơ sở giáo dục ĐHTT được quyền chủ động tuyển dụng GV đảm bảo theo các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, văn bằng, chứng chỉ, chuyên ngành đào tạo, khả năng giảng dạy... Trong đó, ưu tiên tuyển chọn những người có bằng tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên, người đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, có phẩm chất tốt và có nguyện vọng trở thành giảng viên để bổ sung vào đội ngũ giảng viên của trường.

3.2.2.2. Về sử dụng giảng viên

Việc sử dụng đội ngũ giảng viên ở các cơ sở GDDH nói chung trường ĐHTT nói riêng phải tuân theo các quy định của pháp luật. Hiệu trưởng trường ĐHTT được quyền tự chủ trong việc sử dụng đội ngũ GV căn cứ vào: Các chính sách quy định nhiệm vụ, chức trách, quyền hạn của GV, các chế độ làm việc của GV, định mức giảng dạy... theo các quy định của Nhà nước; tự chủ sắp xếp, bố trí công việc giảng dạy, NCKH và thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với nhu cầu của cơ sở đào tạo theo chức danh và ngạch lương tương ứng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

3.2.2.3. Về đào tạo, bồi dưỡng giảng viên

Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của các cơ sở đào tạo đại học nói chung và ĐHTT nói riêng hiện nay. Các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng GV được quy định trong một số văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước, theo đó GV các trường ĐHTT được tạo điều kiện để đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo theo tiêu chuẩn người GV theo cơ cấu chức danh; được trường ĐHTT hỗ trợ kinh phí đào tạo; được Chính phủ tạo điều kiện cử đi đào tạo Tiến sĩ ở trong nước hoặc nước ngoài theo đề án 911 của Chính phủ.

3.2.2.4. Về đãi ngộ và tôn vinh giảng viên

Theo các quy định hiện hành về đãi ngộ và tôn vinh đội ngũ giảng viên, đặc biệt trong Điều lệ trường Đại học tư thục đã quy định GV của trường ĐHTT được hưởng chế độ tiền công, tiền lương, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được hưởng

quyền lợi theo tỷ lệ vốn góp và có quyền tham gia các hoạt động của các tổ chức xã hội và đoàn thể theo quy định của pháp luật. Giảng viên cơ hữu của các trường ĐHTT có đủ các tiêu chuẩn theo quy định được xét phong tặng các danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân, chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục.

3.2.3. Chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong hoạt động đào tạo

3.2.3.1. Về tự chủ trong tuyển sinh

Luật Giáo dục Đại học 2012 cho phép các trường được tự chủ tuyển sinh theo một trong 3 hình thức: thi tuyển, xét tuyển, hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển. Thực hiện đúng theo tinh thần này thì các trường được tự chủ về công tác tuyển sinh, tức là có quyền lựa chọn phương án tốt nhất để tuyển người học. Qua kết quả khảo sát cho thấy, đa số các trường ĐHTT đều mong muốn được tự chủ và xây dựng cơ chế tuyển sinh riêng. Nhà nước cần thực hiện đúng các quy định của Pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho trường ĐHTT và phải có trách nhiệm tạo thuận lợi để các trường thể hiện quyền tự chủ tuyển sinh tốt nhất nhưng phải đảm bảo chất lượng đầu vào.

3.2.3.2. Tự chủ trong công tác tổ chức đào tạo

Để đảm bảo quyền tự chủ đối với công tác tổ chức đào tạo thì các trường ĐHTT phải được tự chủ mở ngành theo nhu cầu xã hội, chủ động phát triển các chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng nghề nghiệp; theo hướng hiện đại, chuẩn hóa, liên thông và chất lượng; có khả năng tham gia đấu thầu các NCKH, chọn lựa các chương trình và sách giáo khoa tiên tiến, hiện đại để biên soạn hoặc dịch thông qua hợp tác quốc tế hoặc khai thác trên mạng. Tuy nhiên, đòi hỏi các cơ sở ĐHTT phải có năng lực thực sự nhưng thực tế chưa đáp ứng được các điều kiện đó để thực hiện quyền tự chủ của mình.

3.3. Đánh giá thực trạng chính sách phát triển trường đại học tư thục

3.3.1. Kết quả đạt được của các chính sách phát triển trường đại học tư thục

- Chính sách tài chính ngày càng được bổ sung và hoàn thiện nhằm huy động các nguồn lực của xã hội cho phát triển GDDH, các chính sách này đã tác động tích cực đến sự phát triển các trường ĐHTT, nguồn tài chính đã huy động để phát triển trường ĐHTT ngày càng tăng. Từ năm 2000 đến nay hệ thống giáo dục ĐHNCL đã đóng góp cho Nhà nước khoảng hơn 30 nghìn tỉ, góp phần chia sẻ với Nhà nước gánh nặng ngân sách đầu tư cho GDDH.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên theo hướng đủ về số lượng và ngày càng đảm bảo chất lượng. Sự quan tâm của Nhà nước tới phát triển ĐNGV được thể hiện thông qua việc hoạch định các chính sách quan trọng liên quan đến chủ trương xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ GVĐH, trong đó có GV các trường ĐHTT. Các CS phát triển ĐNGV bước đầu đã tạo được những thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động GD - ĐT cũng như việc xây dựng và nâng cao được chất lượng ĐNGV của các trường ĐHTT. Số lượng GV mỗi năm một tăng lên, cơ cấu trình độ tuy còn bất cập nhưng bước đầu đã có sự cải thiện. Các chính sách của Nhà nước đã tạo cơ hội cho đội ngũ nhà giáo bậc GDĐH ngày càng công hiến nhiều hơn cho sự nghiệp giáo dục.

- Hoạt động đào tạo của các trường ĐHTT ngày càng phát triển theo hướng tự chủ. Từ chỗ toàn hệ thống GDĐH Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước chặt chẽ về mọi mặt thông qua Bộ GD&ĐT như tổ chức, nhân sự lãnh đạo trường ĐH, chương trình, giáo trình, công nhận kết quả tốt nghiệp (như cấp bằng ThS, TS); đến nay các trường đại học nói chung, ĐHTT nói riêng đã dần được đảm bảo thực hiện quyền tự chủ của mình thông qua các chính sách của Nhà nước.

3.3.2. Những hạn chế, bất cập

- *Thứ nhất, đối với chính sách tài chính*, mặc dù thời gian qua đã có những điều chỉnh, bổ sung và đổi mới nhưng chính sách tài chính vẫn còn những hạn chế, tác động ảnh hưởng đến sự vận hành và phát triển của trường ĐHTT như: vấn đề huy động vốn, về đóng thuế, về quyền sở hữu tài sản nên đã làm cho nhiều trường ĐHDL vẫn chưa chuyển đổi được sang trường ĐHTT và những trường ĐHTT mới thành lập gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động của mình.

- *Thứ hai, chính sách phát triển đội ngũ GV*, sự phát triển đội ngũ GV trường ĐHTT chưa tương thích với sự gia tăng qui mô và chưa đủ mức đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GDĐH. Đội ngũ GV các trường ĐHTT vừa thiếu về số lượng và vừa yếu về chất lượng, hơn nữa các trường ĐHTT đang gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV nâng cao chất lượng GV. Mặt khác, mặc dù trong các văn bản của Nhà nước quy định việc đãi ngộ, tôn vinh ĐNGV phải công bằng, bình đẳng giữa các trường ĐHCL và ĐHTT nhưng do khó khăn về nhiều mặt nên một số trường vẫn chưa được thực hiện và thực hiện chưa đúng các chế độ và chính sách đãi ngộ đối với ĐNGV như: về chế độ làm việc, chế độ phụ cấp, đào tạo bồi dưỡng, vinh danh...

- *Thứ ba, Chính sách đảm bảo quyền tự chủ của các trường ĐHTT*: quyền tự chủ của các trường ĐHTT chưa thực sự được đảm bảo bởi sự thiếu nhất quán, đồng

bộ trong các chính sách của Nhà nước, gây khó khăn cho việc thực hiện quyền tự chủ như trong công tác tuyển sinh, nhất là đợt tuyển sinh năm 2012, phần lớn các trường ĐHTT đều không thực hiện được đúng kế hoạch của mình. Các chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong tổ chức các hoạt động đào tạo như việc mở thêm ngành, xây dựng chương trình, giáo trình, công tác NCKH, liên kết đào tạo...chưa được triển khai và vận dụng một cách hợp lý nên đã làm cho trường ĐHTT cũng gặp không ít khó khăn.

3.3.3. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: Do Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm phát triển hệ thống GDDH ngoài công lập nói chung, các trường ĐHTT nói riêng; Năng lực tài chính của Nhà nước và của người dân còn hạn hẹp; Do sự tác động của cơ chế thị trường làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trường ĐHTT. Mặt khác, do mâu thuẫn giữa yêu cầu cao của xã hội với khả năng hạn chế về nguồn lực và điều kiện đã đẩy nhiều trường ĐHTT vào tình trạng khó khăn.

Nguyên nhân chủ quan: Các chính sách phát triển trường ĐHTT của Nhà nước ban hành chưa đồng bộ và nhất quán, chưa kịp thời, chưa xây dựng đầy đủ và cụ thể hóa các quy chuẩn của các yếu tố, các điều kiện, năng lực để đảm bảo chất lượng đào tạo; chưa tạo quyền tự chủ thực sự cho các cơ sở ĐHTT nên chưa tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển trường ĐHTT; Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chưa thực sự quan tâm tháo gỡ và giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các trường ĐHTT như về đất đai, tài chính, xây dựng cơ sở vật chất, quản trị...Nhà nước chưa thực sự quan tâm xây dựng, điều chỉnh các chính sách để tạo động lực phát triển trường ĐHTT, trong khi hệ thống giáo dục ĐHCL còn bao cấp quá nhiều, hệ thống ĐHTT chưa được sự quan tâm thích đáng; Nhận thức của xã hội đối với vai trò của loại hình trường ĐHTT còn hạn chế. Các cơ quan quản lý nhà nước đôi khi can thiệp quá sâu vào công tác quản trị của các trường ĐH trong khi chưa thực hiện tốt việc thanh tra kiểm tra, giám sát và xử lý chưa kịp thời nghiêm minh các hành vi vi phạm.

Ngoài ra còn có nguyên nhân từ phía các cơ sở đào tạo, do phải tự cân đối thu chi, chưa được sự hỗ trợ về tài chính của Nhà nước nên nhiều trường ĐHTT gặp khó khăn và bị áp lực về tài chính; chưa chú trọng đầu tư xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng cũng như chưa đầu tư lớn để xây dựng cơ sở vật chất và phương tiện giảng dạy; chưa chú trọng công tác nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên. Hay nói cách khác chưa chú trọng nâng cao năng lực toàn diện nhằm đảm bảo thực hiện quyền tự chủ trong hoạt động của mình.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH

PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC Ở VIỆT NAM

4.1. Quan điểm, định hướng phát triển trường đại học tư thực đến 2020

4.1.1. Quan điểm phát triển trường đại học tư thực

4.1.1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa và đổi mới giáo dục đại học nhằm phát triển trường đại học tư thực

Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã chỉ đạo cần phải: “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo trên cả 3 phương diện: động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Hiến pháp 2013 và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tiếp tục khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

4.1.1.2. Quan điểm của luận án về phát triển trường đại học tư thực

Các trường đại học dù là trường công hay trường tư đều có vai trò to lớn, sản phẩm của hệ thống GDĐH đều mang lại lợi ích to lớn cho quốc gia đó là tạo ra đội ngũ lao động có trình độ, năng lực phục vụ phát triển đất nước nên Nhà nước phải quan tâm phát triển hài hòa, cân đối cả hai loại hình đào tạo công lập và tư thực, nên ngân sách nhà nước không chỉ lo cho các trường ĐHCL mà cần thiết phải hỗ trợ cho các trường ĐHTT vì cả hai đều có vai trò quan trọng và đều thực hiện những nhiệm vụ giáo dục của đất nước.

Để phát triển trường ĐHTT cần đặc biệt coi trọng chính sách đối với đội ngũ giảng viên, đối xử công bằng trong các chính sách như đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, chính sách đãi ngộ, tôn vinh đối với GV trường ĐHCL cũng như ĐHTT bởi đội ngũ GV có vai trò đặc biệt quan trọng quyết định chất lượng, hiệu quả đào tạo. Đồng thời chia sẻ chi phí đào tạo cho các SV không phân biệt trường công hay tư.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, Nhà nước cần cho phép thành lập cả hai loại hình ĐHTT: ĐHTT vì lợi nhuận và ĐHTT phi lợi nhuận và xây dựng cơ chế, chính sách hợp lý và kiểm soát chặt chẽ, tránh thương mại hóa giáo dục.

4.1.2. Định hướng phát triển trường đại học tư thục

Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách cụ thể để hỗ trợ cho các cơ sở ĐHTT, trước hết về đất đai, thuế và vốn vay để huy động tiềm năng, nguồn lực của xã hội phát triển các trường ĐHTT. Thúc đẩy tăng quy mô hợp lý gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng. Tạo quyền độc lập, tự chủ đối với các trường ĐHTT, ngay năm học tới trao quyền tự chủ tuyển sinh cho các trường ĐHTT, để tạo điều kiện cho các cơ sở ĐHTT tuyển đủ và đúng số lượng và đảm bảo chất lượng theo quy định. Đảm bảo công bằng, bình đẳng trong đối xử của Nhà nước và xã hội đối với trường ĐHCL và ĐHTT.

Thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện GDĐH. Phát triển đội ngũ nhà giáo đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và chuẩn về chất lượng đáp ứng nhu cầu vừa tăng quy mô vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả GDĐH. Phần đầu đến 2020 tỷ lệ sinh viên học trong các cơ sở GDĐHNCL chiếm 40% tổng số sinh viên trong cả nước.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI: Có chính sách khuyến khích cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của người học, người sử dụng lao động và cơ sở giáo dục. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của Nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập. Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để học.

4.2. Nguyên tắc hoàn thiện chính sách phát triển trường đại học tư thục

4.2.1. Đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ: Chính sách phát triển ĐHTT phải được bổ sung, chỉnh sửa kịp thời theo quan điểm, định hướng của Đảng về phát triển xã hội hóa giáo dục đại học trong giai đoạn mới; đồng thời phải kế thừa, phát huy những nội dung phù hợp và khắc phục những điểm hạn chế của chính sách cũ làm cản trở sự phát triển trường ĐHTT thời gian qua; đảm bảo sự đồng bộ với các chính sách khác, tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn; đảm bảo hợp lý giữa các chính sách trong cùng hệ thống giáo dục đại học.

4.2.2. Đảm bảo tính khả thi và tạo được sự đồng thuận xã hội: Chính sách phát triển trường ĐHTT có tạo được sự đồng thuận thì mới đảm bảo tính khả thi và mang lại hiệu quả. Tính khả thi của chính sách phải được xem xét trên nhiều phương diện

từ việc xác định đúng các nguyên nhân làm xuất hiện vấn đề chính sách đến việc xác định các mục tiêu và các biện pháp đồng bộ để thực hiện nội dung chính sách.

4.2.3. Đảm bảo công bằng, bình đẳng giữa các trường đại học công lập và đại học tư thục: Các trường ĐHTT phải được đối xử bình đẳng và công bằng như các trường ĐHCL về mặt nhận thức cũng như một số chính sách: về đất đai, về cơ hội học tập đối với mọi công dân; đảm bảo quyền tham dự các đấu thầu cung ứng dịch vụ do nhà nước đặt hàng; sinh viên và giảng viên hai loại trường này đều được bình đẳng trong việc hưởng các loại tài trợ của Nhà nước.

4.2.4. Đảm bảo tính công khai, minh bạch: Công khai, minh bạch là nguyên tắc quan trọng trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, đòi hỏi các cơ quan nhà nước, các tổ chức và các đơn vị khi xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách phải được tiến hành công khai, minh bạch; đảm bảo công bằng, dân chủ theo quy định của pháp luật. Việc công bố công khai, minh bạch quá trình hoạch định và thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển trường ĐHTT là rất cần thiết, nếu được thảo luận và tranh luận công khai, dân chủ, thì cơ chế, chính sách được bổ sung, hoàn chỉnh sẽ sát thực tế, đáp ứng đúng yêu cầu phát triển của đất nước, nhất là khắc phục được tình trạng khó khăn, bất cập của các trường ĐHTT hiện nay.

4.2.5. Đảm bảo hài hòa lợi ích của các đối tượng tham gia phát triển ĐHTT: Việc hoàn thiện chính sách của Nhà nước nhằm phát triển trường ĐHTT phải đảm bảo hài hòa lợi ích, không chỉ của nhà đầu tư hay người góp vốn mà còn lợi ích của sinh viên; lợi ích của cán bộ nhân viên và giảng viên; lợi ích lâu dài của Trường; lợi ích đối với xã hội tức là sản phẩm của trường đại học tư thục tạo ra phải đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của xã hội.

4.3. Giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển trường đại học tư thục

4.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính

Thứ nhất, Nhà nước cần sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tài chính cho GDDH nói chung và ĐHTT nói riêng, quy định lại quyền sở hữu tài sản đối với những người góp vốn thành lập.

Thứ hai, Điều chỉnh, bổ sung các chính sách hỗ trợ về tài chính đối với các trường ĐHTT, không nên đánh thuế các trường ĐHTT nếu cam kết hoạt động phi lợi nhuận.

Thứ ba, Khuyến khích thành lập trường ĐHTT phi lợi nhuận nhưng đồng thời cũng cho phép thành lập trường ĐHTT vì lợi nhuận và phải xây dựng những cơ chế riêng biệt cho hai loại trường này.

Thứ tư, Điều chỉnh các quy định về quyền sở hữu tài sản, về bảo toàn vốn, đồng thời tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để các trường đại học dân lập còn lại chuyển đổi sang trường ĐHTT.

Thứ năm, Xây dựng khung học phí đối với trường ĐHTT tương ứng với các quy chuẩn nhằm đảm bảo chất lượng và xây dựng chính sách hỗ trợ học phí, đảm bảo các chính sách xã hội đối với SV học tại trường ĐHTT.

4.3.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện chính sách phát triển đội ngũ giảng viên

Thứ nhất, trên cơ sở quy hoạch phát triển giáo dục đại học, Nhà nước cần xây dựng quy hoạch tổng thể, dài hạn cho sự phát triển đội ngũ GV của toàn hệ thống giáo dục đại học, trong đó chú trọng đội ngũ GV các trường ĐHTT để đảm bảo về số lượng, về chất lượng và về cơ cấu cho phù hợp với nhu cầu đào tạo các ngành nghề, đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực trong tương lai.

Thứ hai, Bổ sung, sửa đổi các chính sách nhằm nâng cao chất lượng hệ thống các trường đại học sư phạm đảm bảo chuẩn đào tạo giảng viên để tạo nguồn tuyển có chất lượng cho các cơ sở đào tạo đại học nói chung, ĐHTT nói riêng.

Thứ ba, Xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của GV đại học cho toàn hệ thống giáo dục đại học.

Thứ tư, Thực hiện thống nhất chế độ làm việc của GV, bao gồm: giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các hoạt động khác. Mặt khác, Nhà nước quy định cụ thể về mặt pháp lý làm cơ sở cho trường ĐHTT trong việc sử dụng, quản lý GV: đối với các trường hợp thôi việc, bỏ việc, vi phạm quy định...

Thứ năm, Hoàn thiện các chính sách đảm bảo sự bình đẳng đối với GV trường ĐHCL và ĐHTT, ví dụ chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ sư phạm; chính sách đãi ngộ, tôn vinh; chính sách hỗ trợ cho công tác nghiên cứu khoa học cho các trường ĐHTT.

4.3.3. Nhóm giải pháp về hoàn thiện chính sách đảm bảo quyền tự chủ trong hoạt động đào tạo

Thứ nhất, Sửa đổi, bổ sung các chính sách nhằm quy định cụ thể hơn quyền tự chủ và những nội dung tự chủ của loại hình ĐHTT. Sự tự chủ phụ thuộc vào năng lực và các điều kiện thực hiện quyền tự chủ. Vì thế phải xác định năng lực đến đâu thì được tự chủ đến đâu, điều kiện như thế nào thì Nhà nước phải quy định cụ thể và kiểm soát để đảm bảo chất lượng.

Thứ hai, Sửa đổi các văn bản quy phạm để yêu cầu các trường ĐHTT đảm bảo tiêu chuẩn về đội ngũ, về cơ sở vật chất, về trang thiết bị, thí nghiệm... để thực hiện các nội dung tự chủ mà Nhà nước quy định.

Thứ ba, Cải cách công tác tuyển sinh đại học, thực hiện nghiêm những điều khoản đã quy định trong Luật Giáo dục đại học để đảm bảo quyền lợi cho các cơ sở ĐHTT.

Thứ tư, Nhà nước xây dựng các quy chuẩn để kiểm soát hoạt động đào tạo của các trường ĐHTT nhằm vừa đảm bảo quyền tự chủ trong công tác tổ chức các hoạt động đào tạo, bao gồm việc giám sát thực hiện kế hoạch, chương trình giảng dạy theo nhu cầu thị trường lao động; giám sát việc thực hiện công khai các tiêu chí để đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Nhà nước, giám sát việc đánh giá kết quả quá trình đào tạo và tổ chức kiểm định chất lượng đào tạo; giám sát việc thực hiện hợp tác liên doanh, liên kết trong đào tạo của các trường ĐHTT. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động của các trường.

4.3.4. Các giải pháp khác

- Tiếp tục khẳng định và đẩy mạnh hơn nữa xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục đại học. Thực hiện việc rà soát lại hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phát triển trường ĐHTT để sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh kịp thời, tránh mâu thuẫn, chồng chéo.
- Nhà nước thường xuyên thanh, kiểm tra nhằm chấn chỉnh hoạt động của các cơ sở ĐHTT, phải tuân thủ nghiêm những quy định của pháp luật. Thực hiện kiểm định chất lượng và công khai các kết quả kiểm định vừa nhằm thúc đẩy các cơ sở ĐHTT không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.
- Bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện để ban hành Quy chế mới về tổ chức và hoạt động của trường ĐHTT;
- Xây dựng Luật Nhà giáo để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của Nhà giáo, đặc biệt nhà giáo ở các trường ĐHTT;
- Đối với các cơ sở ĐHTT muốn tồn tại và phát triển bền vững phải nâng cao được chất lượng đào tạo để tự định đoạt lấy thương hiệu cho mình. Tập trung đổi mới hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng bảo đảm chất lượng đào tạo.

KẾT LUẬN

Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, sự ra đời và phát triển các trường ĐHTT trong thời gian qua vừa khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và

Nhà nước, vừa khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng không thể thiếu được của các trường ĐHTT trong hệ thống GDĐH Việt Nam. Các trường ĐHTT đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân được nâng cao trình độ; chia sẻ gánh nặng với Nhà nước trong việc cung ứng dịch vụ công đáp ứng nhu cầu học tập ở trình độ cao và đa dạng của nhân dân, đồng thời thu hút được nhiều nguồn lực, tiềm năng lớn lao trong xã hội đầu tư cho giáo dục đại học phát triển.

Nghiên cứu về “Chính sách phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam” sẽ có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn. Tác giả luận án đã khái quát hóa những nội dung lý luận cơ bản về trường ĐHTT, vai trò của trường ĐHTT, sự cần thiết phải phát triển trường ĐHTT, lý giải các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách phát triển trường ĐHTT cũng như làm rõ các nội dung của chính sách phát triển trường ĐHTT.

Luận án nghiên cứu, khảo sát và khái quát quá trình hình thành và phát triển các trường ĐHTT trong gần 25 năm qua, đánh giá thực trạng phát triển về quy mô, số lượng và chất lượng của các trường ĐHTT, đặc biệt tập trung phân tích, đánh giá các chính sách phát triển trường ĐHTT như: chính sách tài chính, chính sách đối với đội ngũ giảng viên và chính sách đảm bảo quyền tự chủ của trường ĐHTT nhằm phát triển các trường ĐHTT trong thời gian qua.

Luận án đã đưa ra các quan điểm của tác giả nhằm phát triển trường ĐHTT phù hợp với điều kiện thực tiễn và với xu thế chung về phát triển GDĐH hiện nay trên thế giới. Xây dựng các nguyên tắc nhằm hoàn thiện chính sách phát triển trường ĐHTT là cần thiết để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các đối tượng tham gia phát triển trường ĐHTT như nhà đầu tư, người học, cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy tại trường ĐHTT, lợi ích lâu dài của trường cũng như lợi ích đối với xã hội.

Luận án đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tài chính, chính sách đối với đội ngũ giảng viên, chính sách đảm bảo quyền tự chủ của các trường ĐHTT và một số giải pháp khác; phải thực hiện đồng bộ các giải pháp này nhằm thu hút ngày càng nhiều thành phần kinh tế tham gia phát triển ĐHTT, đảm bảo sự bình đẳng đối với các trường ĐHCL và ĐHTT trong cùng hệ thống nhằm phát triển trường ĐHTT của Việt Nam cả về số lượng, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong những năm tới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Đặng Thị Minh (2012), *Xây dựng và thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam*, Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 196, tháng 5-2012;
2. Đặng Thị Minh (2013), *Thực trạng và giải pháp phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam*, Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 209, tháng 6-2013;
3. Đặng Thị Minh (2014), *Phát triển đội ngũ giảng viên các trường đại học ngoài công lập Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 3 năm 2014.
4. Đặng Thị Minh (2014), *Hoàn thiện chính sách phát triển trường đại học tư thục ở Việt Nam*, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Số 223, tháng 8 năm 2014.